



GLOBAL VIETNAM
LAWYERS

BẢN TIN PHÁP LUẬT

Số 12 | Tháng 12 năm 2022

NỘI DUNG CHÍNH

✚ CẬP NHẬT CÁC QUY ĐỊNH MỚI NHẤT

1. Quy định mới về đăng ký biện pháp bảo đảm.
2. Quy định về quản trị rủi ro của doanh nghiệp bảo hiểm.
3. Quy định mới về tái cấp vốn trên cơ sở trái phiếu đặc biệt.

✚ BÀI VIẾT

Các tranh chấp hậu covid và những gợi ý cho doanh nghiệp vừa và nhỏ.

✚ GIẢI ĐÁP VƯỚNG MẮC

1. Kê khai thuế đối với hoạt động chuyên nhượng bất động sản của dự án đầu tư.
2. Chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp đối với khoản lãi tiền gửi ngân hàng.
3. Thuế suất thuế giá trị gia tăng đối với hoạt động kinh doanh vận tải quốc tế.
4. Thuế suất thuế giá trị gia tăng đối với dịch vụ cung cấp cho doanh nghiệp chế xuất.

✚ ĐỌC BÁO GIÚP BẠN

1. Thành phố Hồ Chí Minh đề xuất thí điểm thu thuế bất động sản thứ 2.
2. Lịch nghỉ Tết Nguyên đán 2023 của công chức và doanh nghiệp.

✚ DANH MỤC VĂN BẢN PHÁP LUẬT MỚI

1. Quy định mới về đăng ký biện pháp bảo đảm

Ngày 30/11/2022, Chính phủ ban hành Nghị định 99/2022/NĐ-CP (“**Nghị định 99/2022**”) về đăng ký biện pháp bảo đảm với những nội dung đáng chú ý sau đây:

1.1 Những trường hợp phải đăng ký biện pháp bảo đảm

Theo Điều 4 của Nghị định 99/2022, 4 trường hợp sau đây phải đăng ký biện pháp bảo đảm:

- (1) Đăng ký thế chấp tài sản, cầm cố tài sản, bảo lưu quyền sở hữu theo quy định của Bộ luật Dân sự, luật khác liên quan;
- (2) Đăng ký theo thỏa thuận giữa bên bảo đảm và bên nhận bảo đảm hoặc theo yêu cầu của bên nhận bảo đảm, trừ cầm giữ tài sản;
- (3) Đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm trong trường hợp một tài sản được dùng để bảo đảm thực hiện nhiều nghĩa vụ mà có nhiều bên cùng nhận bảo đảm hoặc trong trường hợp bên bảo đảm và bên nhận bảo đảm có thỏa thuận; và
- (4) Đăng ký thay đổi nội dung đã được đăng ký; xóa đăng ký nội dung đã được đăng ký đối với 3 trường hợp nêu trên.

1.2 Phiếu yêu cầu đăng ký giao dịch bảo đảm phải có chữ ký của người có thẩm quyền và con dấu (nếu có) của bên bảo đảm và bên nhận bảo đảm

Điều 12 của Nghị định 99/2022 quy định, phiếu yêu cầu đăng ký giao dịch bảo đảm phải có chữ ký của người có thẩm quyền, con dấu (nếu có) của bên bảo đảm và bên nhận bảo đảm, trừ một số trường hợp theo quy định. Trường

hợp người yêu cầu đăng ký là cá nhân không biết chữ hoặc là người khuyết tật không thể ký thì thực hiện điểm chỉ thay cho ký trên Phiếu yêu cầu đăng ký.

1.3 Có thể dùng chữ ký và con dấu điện tử để đăng ký giao dịch bảo đảm trực tuyến

Theo khoản 9 Điều 12 của Nghị định 99/2022, nếu hồ sơ đăng ký giao dịch bảo đảm nộp qua hệ thống đăng ký trực tuyến thì chữ ký và con dấu có thể được thay thế bằng chữ ký điện tử, con dấu điện tử. Chữ ký điện tử, con dấu điện tử có giá trị pháp lý như chữ ký, con dấu được sử dụng trên văn bản giấy.

1.4 Các trường hợp hiệu lực đối kháng đối với người thứ ba của biện pháp bảo đảm không chấm dứt

Theo Điều 6 của Nghị định 99/2022, thời hạn có hiệu lực của đăng ký biện pháp bảo đảm được tính từ thời điểm có hiệu lực của đăng ký đến thời điểm xóa đăng ký. Đồng thời, thời hạn có hiệu lực của đăng ký biện pháp bảo đảm là căn cứ để xác định thời hạn có hiệu lực đối kháng của biện pháp bảo đảm với người thứ ba theo quy định của Bộ luật Dân sự. Tuy nhiên, hiệu lực đối kháng với người thứ ba của biện pháp bảo đảm đã được đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền đăng ký ban đầu sẽ không chấm dứt trong trường hợp sau:

- Biện pháp bảo đảm bằng chứng khoán chưa đăng ký tập trung đã được đăng ký tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản, sau đó tài sản

này trở thành chứng khoán đăng ký tập trung theo quy định của pháp luật về chứng khoán, tiếp tục được dùng để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ cho cùng bên hoặc các bên cùng nhận bảo đảm và được đăng ký tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

- Biện pháp bảo đảm bằng chứng khoán đăng ký tập trung đã được đăng ký tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, sau đó tài sản này trở thành chứng khoán không đăng ký tập trung theo quy định của pháp luật về chứng khoán, tiếp tục được dùng để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ cho cùng bên hoặc các bên cùng nhận bảo đảm và được đăng ký tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản.
- Biện pháp bảo đảm bằng hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất, kinh doanh, linh kiện, vật tư đã được đăng ký tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản, sau đó được lắp ráp, được chế tạo, được gia công hoặc được chế biến theo hình thức khác tạo thành tài sản mới và tài sản này được dùng để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ, được đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định mà phần giá trị của hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất, kinh doanh hoặc giá trị của linh kiện, vật tư tiếp tục được dùng để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ cho bên hoặc các bên cùng nhận bảo đảm ban đầu.
- Thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán nhà ở hoặc từ hợp đồng mua bán, hợp đồng

chuyển giao khác về quyền sở hữu đối với tài sản khác gắn liền với đất đã được đăng ký tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản, sau đó được chuyển tiếp sang đăng ký thế chấp nhà ở, thế chấp tài sản khác gắn liền với đất.

1.5 Những loại tài sản là nhà ở hình thành trong tương lai và tài sản khác gắn liền với đất hình thành trong tương lai để đăng ký biện pháp bảo đảm

Theo Điều 25 của Nghị định 99/2022, việc thế chấp nhà ở hình thành trong tương lai, tài sản khác gắn liền với đất hình thành trong tương lai thuộc trường hợp đăng ký bảo đảm theo yêu cầu tại Văn phòng đăng ký đất đai, trong đó nhà ở hình thành trong tương lai, tài sản khác gắn liền với đất hình thành trong tương lai bao gồm:

- Nhà ở, công trình xây dựng trong dự án đầu tư xây dựng nhà ở, nhà ở riêng lẻ theo quy định của Luật Nhà ở; công trình xây dựng không phải là nhà ở theo quy định của pháp luật về xây dựng, về kinh doanh bất động sản, pháp luật khác có liên quan đang trong quá trình đầu tư xây dựng, chưa được nghiệm thu đưa vào sử dụng.
- Rừng sản xuất là rừng trồng, cây lâu năm chưa hình thành hoặc đã hình thành nhưng bên thế chấp xác lập quyền sở hữu sau thời điểm xác lập hợp đồng thế chấp.

Nghị định 99/2022 sẽ có hiệu lực từ 15/01/2023 và thay thế Nghị định 102/2017/NĐ-CP.

2. Quy định về quản trị rủi ro của doanh nghiệp bảo hiểm

Ngày 16/11/2022, Bộ Tài chính ban hành Thông tư 70/2022/TT-BTC (“**Thông tư 70/2022**”) quy định về quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ và kiểm toán nội bộ của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài, chi nhánh doanh nghiệp tái bảo hiểm nước ngoài, trong đó đáng chú ý là quy định về quản trị rủi ro của doanh nghiệp bảo hiểm.

2.1 Doanh nghiệp bảo hiểm phải tổ chức quản trị rủi ro với 3 tuyến bảo vệ độc lập

Theo Khoản 1 Điều 4 của Thông tư 70/2022, doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài (sau đây gọi chung là “**Doanh nghiệp bảo hiểm**”) phải tổ chức quản trị rủi ro với 3 tuyến bảo vệ độc lập như sau:

- (1) Tuyến bảo vệ thứ nhất: Các bộ phận nghiệp vụ, là các bộ phận trực tiếp xác định, tiếp nhận, đánh giá, kiểm soát, báo cáo và theo dõi các rủi ro phát sinh trong hoạt động kinh doanh;
- (2) Tuyến bảo vệ thứ hai: Bộ phận quản trị rủi ro, bộ phận kiểm soát tuân thủ và các bộ phận khác có chức năng kiểm soát rủi ro đối với hoạt động của tuyến bảo vệ thứ nhất; và
- (3) Tuyến bảo vệ thứ ba: Bộ phận kiểm toán nội bộ.

2.2 Doanh nghiệp bảo hiểm phải có quy định nội bộ về quản trị rủi ro

Theo Điều 5 của Thông tư 70/2022, Doanh nghiệp bảo hiểm phải xây dựng quy định nội bộ về quản trị rủi ro với các nội dung sau:

- Chức năng nhiệm vụ, cơ chế phân cấp, thẩm quyền quyết định và

trách nhiệm của cá nhân, bộ phận trong hoạt động quản trị rủi ro của Doanh nghiệp bảo hiểm.

- Quy trình xác định, đo lường, theo dõi, giám sát rủi ro liên quan đến các rủi ro trọng yếu; báo cáo trao đổi thông tin, phản hồi về các thay đổi rủi ro và xử lý rủi ro.
- Các hạn mức rủi ro cụ thể đối với từng loại rủi ro trọng yếu và các rủi ro có liên quan, mối tương quan giữa các rủi ro đó.
- Các biện pháp kiểm soát rủi ro phát sinh từ hoạt động kinh doanh và kiểm soát các cá nhân, bộ phận tham gia vào các hoạt động đó.
- Kiểm tra sức chịu đựng đáp ứng quy định của Thông tư 70/2022 này.
- Kế hoạch dự phòng cho các tình huống khẩn cấp xảy ra nhằm bảo đảm tính liên tục trong hoạt động kinh doanh của Doanh nghiệp bảo hiểm.
- Cơ chế báo cáo nội bộ về quản trị rủi ro.

2.3 Hai kịch bản kiểm tra sức chịu đựng về vốn của doanh nghiệp bảo hiểm

Theo Điều 7 của Thông tư 70/2022, hàng năm, Doanh nghiệp bảo hiểm phải thực

hiện kiểm tra sức chịu đựng về vốn và khả năng thanh toán.

Việc kiểm tra sức chịu đựng sẽ được thực hiện thông qua việc lập tối thiểu 2 kịch bản:

- (i) 1 kịch bản với các điều kiện hoạt động bình thường; và
- (ii) 1 kịch bản với các diễn biến bất lợi về tỷ lệ rủi ro bảo hiểm, hoạt động đầu tư, chi phí hoạt động và các yếu tố khác theo đánh giá của Doanh nghiệp bảo hiểm.

Các kịch bản lựa chọn phải được lập tối thiểu cho 5 năm tài chính tiếp theo và được xây dựng trên cơ sở phân tích số liệu thống kê, thực tế hoạt động của Doanh nghiệp bảo hiểm, dự báo diễn biến kinh tế vĩ mô.

Căn cứ kết quả kiểm tra sức chịu đựng, Doanh nghiệp bảo hiểm sẽ xác định các biện pháp nhằm bảo đảm duy trì hoạt động kinh doanh của mình khi có các diễn biến bất lợi (nếu có).

Thông tư 70/2022 sẽ có hiệu lực từ ngày 01/01/2023.

3. Quy định mới về tái cấp vốn trên cơ sở trái phiếu đặc biệt

Ngày 30/11/2022, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư 15/2022/TT-NHNN (“**Thông tư 15/2022**”) quy định về tái cấp vốn trên cơ sở trái phiếu đặc biệt của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (sau đây gọi chung là “**Công ty Quản lý tài sản**”) với những điểm mới đáng chú ý sau đây:

3.1 Điều kiện tái cấp vốn đối với trái phiếu đặc biệt

Theo Điều 4 của Thông tư 15/2022, trái phiếu đặc biệt làm cơ sở tái cấp vốn, gia hạn tái cấp vốn phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

- (i) Trái phiếu đặc biệt thuộc sở hữu hợp pháp của tổ chức tín dụng, đang được lưu ký tại Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước.
- (ii) Không phải là trái phiếu đặc biệt đang trong quá trình thanh toán.
- (iii) Không trong bảng kê trái phiếu đặc biệt mà tổ chức tín dụng đang đề nghị Ngân hàng Nhà nước xem xét gia hạn thời hạn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc mua,

bán và xử lý nợ xấu của Công ty Quản lý tài sản.

- (iv) Tại ngày tổ chức tín dụng lập Bảng kê trái phiếu đặc biệt làm cơ sở tái cấp vốn, gia hạn tái cấp vốn và ngày tổ chức tín dụng cập nhật Bảng kê trái phiếu đặc biệt, thời hạn còn lại của trái phiếu đặc biệt dài hơn thời hạn đề nghị tái cấp vốn, gia hạn tái cấp vốn tối thiểu 06 tháng.

3.2 Điều kiện tái cấp vốn đối với tổ chức tín dụng

Theo Điều 5 của Thông tư 15/2022, Ngân hàng Nhà nước xem xét, quyết định tái cấp vốn khi tổ chức tín dụng đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

- (i) Không trong thời gian được kiểm soát đặc biệt hoặc bị xử lý vi phạm.

- (ii) Đã trích lập dự phòng rủi ro đối với tất cả trái phiếu đặc biệt đang sở hữu theo quy định của pháp luật hoặc văn bản chấp thuận của cấp có thẩm quyền trong vòng 12 tháng liền kề trước ngày tổ chức tín dụng có Giấy đề nghị vay tái cấp vốn.
- (iii) Tuân thủ các tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định tại khoản 1 Điều 130 của Luật Các tổ chức tín dụng 2010 (sửa đổi 2017) và quy định của Ngân hàng Nhà nước trong vòng 12 tháng liền kề trước ngày tổ chức tín dụng có Giấy đề nghị vay tái cấp vốn.
- (iv) Trái phiếu đặc biệt làm cơ sở tái cấp vốn đáp ứng đầy đủ điều kiện quy định tại mục 3.1 ở trên.
- Thông tư 15/2022 sẽ có hiệu lực từ ngày 17/01/2023 và thay thế Thông tư 18/2015/TT-NHNN.



GLOBAL VIETNAM
LAWYERS

GV Lawyers xin giới thiệu bài viết của Luật sư Hoàng Phước có tiêu đề **“Các tranh chấp hậu covid và những gợi ý cho doanh nghiệp vừa và nhỏ”** tại Hội thảo chuyên đề **“Tư vấn giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại cho doanh nghiệp trong bối cảnh hậu Covid-19”** do Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Nai phối hợp Ban Quản lý chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành cho doanh nghiệp nhỏ và vừa giai đoạn 2021-2025 thuộc Bộ Tư pháp tổ chức vào ngày 10/12/2022.

1. Tranh chấp phổ biến sau đại dịch Covid-19

Dịch bệnh Covid-19 là một trong những đại dịch nghiêm trọng, gây thiệt hại đặc biệt lớn cả về tài sản và nhân mạng cho Việt Nam và các quốc gia trên thế giới. Các ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 đối với hoạt động thương mại, kinh tế toàn cầu cho đến nay vẫn chưa thể hoàn toàn khắc phục. Tại Việt Nam, mặc dù Chính Phủ đã dỡ bỏ các biện pháp giãn cách xã hội, cho phép các hoạt động thương mại được trở lại hoạt động bình thường đã hơn 1 năm, cho đến ngày hôm nay chúng ta vẫn không khó bắt gặp hình ảnh, thông tin về các mặt bằng kinh doanh bị đóng cửa, không có khách thuê, các doanh nghiệp phải cắt giảm sản xuất, cho người lao động nghỉ việc, giảm giờ làm do không có đơn hàng, khó khăn về dòng tiền, chuỗi cung ứng bị đứt gãy, nguồn nguyên liệu bị thiếu hụt không thể duy trì sản xuất.

Trong bối cảnh việc duy trì hoạt động thương mại,

kinh doanh, sản xuất gặp khó khăn, ảnh hưởng đến sự tồn vong của doanh nghiệp, điều tất yếu sẽ dẫn đến các doanh nghiệp khó có thể tiếp tục thực hiện theo các cam kết đã xác lập với nhau trước khi xảy ra đại dịch. Trong những tình huống này, các doanh nghiệp trước hết thường sẽ cố gắng giải quyết với nhau thông qua con đường thương lượng, đàm phán, nhằm thay đổi điều khoản đã giao kết hoặc chấm dứt hợp đồng. Tuy nhiên, không phải mọi cuộc đàm phán đều mang lại kết quả hài lòng các bên và việc phát sinh tranh chấp là không thể tránh khỏi. Theo quan sát của chúng tôi, số lượng các tranh chấp hợp đồng phát sinh từ hậu quả, ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 trong các năm 2021 và 2022 là rất lớn.

Xét riêng các doanh nghiệp, vừa và nhỏ, các tranh chấp này thường tập trung ở các vấn đề sau:

- Tranh chấp hợp đồng thuê mặt bằng, kho bãi, nhà xưởng: trong đó bên thuê thường yêu cầu bên cho thuê giảm, miễn

tiền thuê hoặc yêu cầu trả lại mặt bằng, chấm dứt hợp đồng thuê với lý do cắt giảm hoặc ngừng kinh doanh.

- Tranh chấp hợp đồng mua bán, gia công hàng hóa: trong đó bên bán, bên gia công thường yêu cầu gia hạn thời gian giao hàng, điều chỉnh tăng giá bán/giá gia công do bị tăng chi phí từ giá nguyên liệu đầu vào, giá nhân công, chi phí thực hiện các biện pháp phòng chống dịch bệnh.

- Tranh chấp hợp đồng vận chuyển hàng hóa: trong đó bên vận chuyển thường yêu cầu gia hạn thời gian vận chuyển, tăng cước phí vận chuyển do tăng chi phí, thay đổi phương thức vận chuyển/tuyển đường vận chuyển để khắc phục các biện pháp phong tỏa, giãn cách của các quốc gia (điển hình như chính sách “Zero Covid” của Trung Quốc).

- Tranh chấp hợp đồng xây dựng, thi công, lắp đặt: trong đó bên nhận

thầu thường yêu cầu gia hạn tiến độ thi công, tăng chi phí, yêu cầu thanh toán chi phí cho thời gian chờ đợi của đội thi công do sự chậm trễ từ chủ đầu tư/nhà thầu khác, v.v.

Điểm chung của các tranh chấp này là một bên gặp khó khăn hoặc không thể tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ đã cam kết tại hợp đồng và mong muốn có thể thay đổi điều khoản hợp đồng hoặc chấm dứt hợp đồng. Trong một số vụ việc mà chúng tôi được biết, các doanh nghiệp thường có xu hướng xem dịch bệnh Covid-19 và/hoặc các quyết định phong tỏa/giãn cách xã hội của Cơ quan Nhà nước là những “sự kiện bất khả kháng” để doanh nghiệp không phải thực hiện hoặc thực hiện không đúng cam kết đã thỏa thuận tại hợp đồng. Tuy nhiên, có quan điểm lại cho rằng dịch bệnh Covid-19 và các quyết định phong tỏa, giãn cách xã hội của Cơ quan Nhà nước không phải là sự kiện bất khả kháng để miễn trừ trách nhiệm do vi phạm hợp đồng, mà chỉ là sự kiện khách quan để một bên có thể thuộc trường hợp “hoàn cảnh thay đổi cơ bản” theo Điều 420 Bộ Luật Dân Sự 2015 (“BLDS 2015”), và theo đó doanh nghiệp cần phải

thỏa mãn một số điều kiện, thủ tục luật định để có quyền yêu cầu sửa đổi hoặc chấm dứt hợp đồng.

Như vậy, dịch bệnh Covid-19 và các quyết định phong tỏa, giãn cách xã hội của Cơ quan Nhà nước nên được xem xét như thế nào là đúng? Là sự kiện bất khả kháng hay là trường hợp hoàn cảnh thay đổi cơ bản? hai chế định này khác nhau như thế nào và ảnh hưởng đến quyền, nghĩa vụ của doanh nghiệp trong hợp đồng ra sao? Những nội dung này chúng tôi xin có một số ý kiến trao đổi tại phần tiếp theo.

2. Là sự kiện bất khả kháng hay hoàn cảnh thay đổi cơ bản? Quyền, nghĩa vụ của doanh nghiệp tương ứng trong mỗi trường hợp sẽ khác nhau ra sao?

Điều 294.1(b) Luật Thương Mại 2005 quy định bên vi phạm hợp đồng được miễn trách nhiệm trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng. Sự kiện bất khả kháng được định nghĩa tại Điều 156.1 BLDS 2015 là sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép. Dựa trên quy định này, có thể hiểu

rằng để được xem là sự kiện bất khả kháng, sự kiện được nói đến phải thỏa mãn 02 điều kiện sau:

- Là sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được; và
- Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện này mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép nhưng vẫn không thể thực hiện nghĩa vụ tại hợp đồng.

Một số doanh nghiệp có thể cho rằng dịch bệnh Covid-19 hoặc các quyết định phong tỏa, giãn cách xã hội của Cơ quan Nhà nước là các sự kiện xảy ra một cách khách quan và họ không thể lường trước được. Chúng tôi đồng tình với quan điểm xem dịch bệnh Covid-19 hoặc các quyết định giãn cách, phong tỏa của Nhà nước là một sự kiện khách quan, tuy nhiên để kết luận rằng doanh nghiệp có lường trước được sự kiện này hay không sẽ còn tùy thuộc vào từng trường hợp cụ thể (ví dụ như vào thời điểm ký kết hợp đồng, các bên có thể nhận thức được về việc dịch bệnh Covid-19 xuất hiện tại Việt Nam hay không và/hoặc việc các Cơ quan Nhà nước áp dụng các biện pháp phong tỏa, giãn cách xã hội tại địa phương có liên quan hay không).

Ngoài ra, điều kiện quan trọng (nhưng thường bị các doanh nghiệp tại Việt Nam bỏ sót) khi xem xét liệu dịch bệnh Covid-19 hoặc các quyết định phong tỏa, giãn cách xã hội của Cơ quan Nhà nước có phải là sự kiện bất khả kháng hay không chính là doanh nghiệp đó phải thật sự không thể thực hiện được nghĩa vụ tại hợp đồng mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép.

Theo quan sát của chúng tôi, nhiều doanh nghiệp thường nhầm lẫn giữa tình huống “không thể thực hiện nghĩa vụ” và “khó khăn, thiệt hại về tài chính của doanh nghiệp”. Theo đó, các doanh nghiệp thường cho rằng, nếu tiếp tục thực hiện theo đúng các điều khoản tại hợp đồng, doanh nghiệp sẽ bị thiệt hại về tài chính và vì vậy cho rằng doanh nghiệp của mình không thể thực hiện nghĩa vụ đã cam kết. Tuy nhiên, có thể thấy, với trường hợp này, doanh nghiệp vẫn có khả năng thực hiện hợp đồng nhưng doanh nghiệp lựa chọn không thực hiện để tránh thiệt hại về tài chính cho doanh nghiệp. Việc doanh nghiệp vẫn có khả năng lựa chọn giữa thực hiện hợp đồng và không thực hiện hợp đồng để tránh thiệt hại cho thấy

việc không thực hiện hợp đồng là xuất phát từ ý chí/quyết định chủ quan của doanh nghiệp, không phải là do ngăn cản bởi sự kiện khách quan là Covid-19 hay các quyết định phong tỏa, giãn cách xã hội. Do đó, việc doanh nghiệp có thể gặp khó khăn, thiệt hại về tài chính khi tiếp tục thực hiện theo cam kết hợp đồng chưa thể xem là doanh nghiệp “không thể thực hiện hợp đồng” để cấu thành sự kiện bất khả kháng.

Trái lại, chúng tôi nhận thấy với lý do doanh nghiệp có thể gặp khó khăn, thiệt hại về tài chính nếu tiếp tục thực hiện hợp đồng, trường hợp của doanh nghiệp có thể “gần gũi” hơn trường hợp “hoàn cảnh thay đổi cơ bản” của BLDS 2015. Cụ thể theo Điều 420 BLDS 2015, hoàn cảnh thay đổi cơ bản khi có đủ các điều kiện sau đây:

- Sự thay đổi hoàn cảnh do nguyên nhân khách quan xảy ra sau khi giao kết hợp đồng;
- Tại thời điểm giao kết hợp đồng, các bên không thể lường trước được về sự thay đổi hoàn cảnh;
- Hoàn cảnh thay đổi lớn đến mức nếu như các bên biết trước thì hợp

đồng đã không được giao kết hoặc được giao kết nhưng với nội dung hoàn toàn khác;

- Việc tiếp tục thực hiện hợp đồng mà không có sự thay đổi nội dung hợp đồng sẽ gây thiệt hại nghiêm trọng cho một bên;
- Bên có lợi ích bị ảnh hưởng đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết trong khả năng cho phép, phù hợp với tính chất của hợp đồng mà không thể ngăn chặn, giảm thiểu mức độ ảnh hưởng đến lợi ích.

Như vậy, trong trường hợp dịch bệnh covid-19 hoặc quyết định phong tỏa, giãn cách xã hội của Cơ quan Nhà nước, tùy từng trường hợp, xảy ra sau khi các bên giao kết hợp đồng và doanh nghiệp thỏa mãn các điều kiện còn lại nêu trên, trường hợp của doanh nghiệp nên được xem là “hoàn cảnh thay đổi cơ bản”. Theo BLDS 2015, trong trường hợp hoàn cảnh thay đổi cơ bản, bên có lợi ích bị ảnh hưởng có quyền yêu cầu bên kia đàm phán lại hợp đồng trong một thời hạn hợp lý; trường hợp các bên không thể thỏa thuận được về việc sửa đổi hợp đồng trong một thời hạn hợp lý, một trong các bên có thể

yêu cầu Tòa án hoặc trọng tài: (a) Chấm dứt hợp đồng tại một thời điểm xác định; hoặc (b) Sửa đổi hợp đồng để cân bằng quyền và lợi ích hợp pháp của các bên do hoàn cảnh thay đổi cơ bản. Theo quy định, Tòa án hoặc trọng tài chỉ sửa đổi hợp đồng trong trường hợp việc chấm dứt hợp đồng sẽ gây thiệt hại lớn hơn so với các chi phí để thực hiện hợp đồng nếu được sửa đổi.

3. Những gợi ý cho doanh nghiệp vừa và nhỏ trong giải quyết tranh chấp hậu Covid

(1) Nên chọn trọng tài thương mại

Trọng tài Thương mại hiện được xem là phương thức giải quyết tranh chấp phổ biến được doanh nghiệp chọn lựa do những ưu điểm của trọng tài so với giải quyết tranh chấp thông qua tòa án.

- *Trọng tài thương mại có thẩm quyền tương tự Tòa án Thương mại*

Trước hết cần lưu ý rằng, nếu được các bên lựa chọn để giải quyết tranh chấp, hội đồng trọng tài có đầy đủ thẩm quyền tương tự như tòa án để xác định vấn đề trong tranh chấp là sự kiện bất khả kháng hay hoàn cảnh thay đổi cơ

bản, và nếu thuộc hoàn cảnh thay đổi cơ bản, hội đồng trọng tài có đầy đủ thẩm quyền để tuyên sửa đổi hợp đồng hoặc chấm dứt hợp đồng theo quy định của Điều 420 BLDS. Do đó, các doanh nghiệp có thể yên tâm về khả năng giải quyết các loại tranh chấp hậu Covid bằng trọng tài. Không những vậy, phương thức giải quyết tranh chấp bằng trọng tài còn có những đặc trưng khác biệt so với phương thức giải quyết tranh chấp truyền thống tại tòa, giúp phương thức này trở nên nhanh chóng, thân thiện, hiệu quả cho các tranh chấp hậu Covid.

- *Phương thức giải quyết tranh chấp nhanh chóng*

Phương thức giải quyết tranh chấp bằng trọng tài luôn được biết đến là một phương thức giải quyết tranh chấp có thời gian ngắn hơn so với giải quyết tranh chấp tại các Tòa án truyền thống. Khác với giải quyết tranh chấp tại tòa án nơi các tranh chấp thường phải trải qua 02 cấp xét xử, sơ thẩm và phúc thẩm, vụ kiện trọng tài được giải quyết bởi duy nhất 01 hội đồng trọng tài và phán quyết của hội đồng trọng tài này là chung thẩm và không bị

kháng cáo, kháng nghị. Theo quan sát của chúng tôi, do chỉ có 01 cấp xét xử, thời gian trung bình để giải quyết tranh chấp tại trọng tài là thường vào khoảng 06 tháng trong khi thời gian trung bình để giải quyết tranh chấp tại tòa án qua 02 cấp xét xử có thể vào khoảng 15 tháng (10 tháng cho sơ thẩm và 05 tháng cho phúc thẩm).

- *Phương thức giải quyết tranh chấp thân thiện, hiệu quả*

Đầu tiên, không thể không nhắc đến đặc trưng tiêu biểu của phương thức giải quyết tranh chấp bằng trọng tài là khả năng các bên có thể lựa chọn trọng tài viên để giải quyết tranh chấp của mình. Khác với tòa án, trong trường hợp áp dụng hội đồng trọng tài 03 trọng tài viên, mỗi bên sẽ có quyền lựa chọn 01 trọng tài viên và 02 trọng tài viên do các bên lựa chọn sẽ bầu ra trọng tài viên thứ 3 làm chủ tịch hội đồng trọng tài. Các trọng tài viên mà các bên lựa chọn không bắt buộc phải thuộc danh sách trọng tài viên của các trung tâm trọng tài. Do đó phạm vi lựa chọn trọng tài viên của các bên rất rộng và các bên hoàn

toàn có thể lựa chọn các trọng tài viên có uy tín, kiến thức và chuyên môn phù hợp với lĩnh vực mà các bên đang có tranh chấp. Lựa chọn được trọng tài viên với chuyên môn, kiến thức phù hợp sẽ giúp vụ án được giải quyết nhanh chóng, hiệu quả khi trọng tài viên tốn ít thời gian hơn để nắm bắt vụ việc, hiểu rõ “nội tình” các vấn đề để giải quyết vụ tranh chấp một cách “thấu tình đạt lý”. Điều này rất quan trọng trong bối cảnh các bên gặp khó khăn tài chính và mong muốn có được một phán quyết phù hợp cả về tình và lý để thi hành và giữ được quan hệ kinh doanh giữa các bên.

Một điểm đáng lưu ý khác của phương thức giải quyết tranh chấp bằng trọng tài là nguyên tắc tôn trọng thỏa thuận của các bên đối với vụ kiện trọng tài. Nguyên tắc này cũng được quy định tại Điều 4.1 và Điều 9 của Luật Trọng Tài Thương Mại 2010. Theo đó, các bên có quyền tự do thương lượng, thỏa thuận với nhau về việc giải quyết tranh chấp hoặc yêu cầu Hội đồng trọng tài hòa giải để các bên thỏa thuận với nhau về việc giải quyết tranh chấp. Thực hiện quyền

này, các bên có thể thỏa thuận với nhau về địa điểm giải quyết tranh chấp, ngôn ngữ trọng tài, cách thức gửi thông báo trong vụ kiện, cách thức thành lập hội đồng trọng tài, thủ tục tiến hành tố tụng, cách thức/thủ tục tổ chức phiên họp giải quyết tranh chấp (phiên họp trực tiếp hoặc thông qua cuộc họp trực tuyến), v.v. Do đó, miễn là thỏa thuận của các bên không vi phạm điều cấm, trái đạo đức xã hội, các bên có thể thỏa thuận cách thức tiến hành/giải quyết tranh chấp trọng tài sao cho phù hợp với các bên, giao dịch và hoạt động kinh doanh của các bên. Chẳng hạn như nếu các bên có văn phòng/trụ sở cách xa nhau và để tiết kiệm thời gian/chi phí đi lại, các bên có thể thỏa thuận tổ chức phiên họp giải quyết tranh chấp bằng hình thức trực tuyến; hoặc nếu các bên mong muốn có thêm thời gian để hòa giải trước khi hội đồng trọng tài mở phiên họp, các bên cũng có thể thỏa thuận để lùi thời điểm mở phiên họp.

(2) **Chủ động thương lượng khi gặp khó khăn**

Các khó khăn do dịch Covid gây ra cho doanh

nh nghiệp là có thật, tuy vậy, câu hỏi rằng dịch Covid là bất khả kháng hay hoàn cảnh thay đổi cơ bản luôn gây tranh cãi. Điều này nghĩa là chỉ có tòa án hay trọng tài mới là cơ quan quyết định xem một sự việc cụ thể là bất khả kháng hay hoàn cảnh thay đổi cơ bản. Do vậy, doanh nghiệp nên thông báo với đối tác khi gặp khó khăn và thương lượng nhằm chia sẻ khó khăn bất cứ lúc nào mà không nên quan tâm nhiều đến các tranh cãi pháp lý nêu trên. Rất nhiều trường hợp các bên đã thiệt chí chia sẻ khó khăn, điều chỉnh lại hợp đồng mà không cần phải tiến hành việc kiện tụng.

(3) **Hãy coi giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc trọng tài là một cách hành xử văn minh**

Một thực tế hiện nay là doanh nghiệp vừa và nhỏ thường có tâm lý “vô phúc đáo tụng đình”, ít chọn việc khởi kiện tại Trọng tài hoặc Tòa án khi có tranh chấp hợp đồng, thay vào đó, họ có xu hướng chọn lựa những phương án giải quyết tranh chấp phi pháp lý thậm chí mang tính bạo lực và có nguy cơ vi phạm pháp luật.

Dù vậy, doanh nghiệp nên coi giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc trọng tài là một cách hành xử văn minh. Trong trường hợp quản lý doanh nghiệp không muốn tham gia vào quá trình tố tụng tại tòa án hoặc trọng tài, doanh nghiệp có thể ủy quyền cho các chuyên gia pháp lý đại diện để doanh nghiệp dành thời gian tập trung cho công việc kinh doanh.

(4) Lưu giữ đầy đủ hồ sơ

Một khi tranh chấp phải đưa ra tòa án hoặc trọng tài, vụ tranh chấp sẽ được xử lý hoàn toàn dựa trên các chứng cứ và hồ sơ. Do vậy, việc tập hợp toàn bộ hồ sơ liên quan là cực kỳ cần thiết. Doanh nghiệp cần phải hệ thống hóa lại các trao đổi giữa các bên, càng đầy đủ càng tốt. Trong trường hợp các bên trao đổi với nhau thông qua các phương tiện điện tử (email, tin nhắn, nền tảng hoặc ứng dụng...), doanh nghiệp cần lập vi bằng để ghi nhận nội dung các trao đổi này trước khi tiến hành khởi kiện nhằm hạn chế việc đối tác xóa, thay đổi, rút lại, ... các trao đổi đó khi vụ kiện bắt đầu.

Hiện nay có nhiều nền tảng hoặc ứng dụng cho phép một bên có thể xóa, thay đổi, rút lại, ... những trao đổi đó như xóa tin nhắn, thu hồi lại tài liệu... đã gửi cho đối tác, hoặc nền tảng hoặc ứng dụng đó sẽ tự động xóa các tin nhắn hoặc tài liệu trao đổi sau một thời gian nhất định. Kinh nghiệm tố tụng cho thấy nên hạn chế tối đa việc giao tiếp chính thức thông qua những nền tảng hoặc ứng dụng này vì việc chứng minh sự thật của vụ kiện sẽ rất khó khăn do tài liệu hoặc tin nhắn không còn. Do vậy, email vẫn là công cụ thuận tiện nhất trong việc trao đổi và lưu giữ những thông tin chính thức giữa các bên.

(5) Nên tìm kiếm sự hỗ trợ từ chuyên gia pháp lý

Doanh nghiệp nên xem chi phí pháp lý là một khoản bảo hiểm hơn là một khoản chi phí. Theo quan sát của chúng tôi, chi phí pháp lý thường rất nhỏ khi so sánh với những thiệt hại có thể hoặc sẽ xảy ra. Do vậy doanh nghiệp nên dự phòng chi phí thuê chuyên gia pháp lý như một chi phí thường xuyên của doanh

nh nghiệp, đặc biệt là khi có dấu hiệu phát sinh tranh chấp.

Trong thực tế tố tụng trọng tài, một bên có quyền coi chi phí pháp lý là một khoản thiệt hại và yêu cầu bên kia thanh toán khi yêu cầu đó được trọng tài chấp thuận. Do vậy, nếu doanh nghiệp tin rằng mình hành xử đúng hợp đồng và yêu cầu có khả năng được trọng tài chấp nhận, doanh nghiệp không nên ngần ngại yêu cầu cả chi phí pháp lý như một khoản bồi thường.

(6) Nên có một bộ mẫu hợp đồng chuẩn

Lời khuyên cuối cùng và quan trọng nhất của chúng tôi là dù là doanh nghiệp vừa và nhỏ, doanh nghiệp luôn nên xây dựng một mẫu hợp đồng chuẩn của riêng mình. Đừng nên để đối tác soạn hợp đồng rồi doanh nghiệp soát xét lại vì như vậy, doanh nghiệp đã phải tuân theo các dàn xếp của đối tác trong hợp đồng và mất đi quyền chủ động trong quá trình thực hiện hoặc quá trình tranh chấp sau này.

1. **Kê khai thuế đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản của dự án đầu tư** 3. **Thuế giá trị gia tăng đối với hoạt động kinh doanh vận tải quốc tế**

Trường hợp Công ty có trụ sở chính tại Hà Nội, nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ phát sinh hoạt động chuyển nhượng bất động sản của dự án đầu tư cơ sở hạ tầng, nhà để chuyển nhượng tại tỉnh, thành phố khác nơi có trụ sở chính thì Công ty thực hiện khai thuế giá trị gia tăng đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản của dự án đầu tư cơ sở hạ tầng, nhà để chuyển nhượng (bao gồm cả trường hợp có thu tiền ứng trước của khách hàng theo tiến độ) theo mẫu 01/GTGT tại cơ quan thuế nơi có hoạt động chuyển nhượng bất động sản theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 11 của Nghị định 126/2020/NĐ-CP.

Cục Thuế thành phố Hà Nội trả lời vướng mắc của Công ty cổ phần Kosy tại Công văn số 57838/CTHN-TTHT ngày 25/11/2022.

2. **Chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp đối với khoản lãi tiền gửi ngân hàng**

Pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp không quy định việc xác định khoản thu nhập dự kiến thu được nhưng chưa thực tế phát sinh được tính vào thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ tính thuế. Trường hợp Công ty thực tế phát sinh khoản thu từ lãi tiền gửi ngân hàng thì khoản thu nhập này được tính vào thu nhập chịu thuế của kỳ tính thuế thực tế phát sinh thu nhập theo hướng dẫn tại khoản 7 Điều 7 của Thông tư số 78/2014/TT-BTC.

Cục Thuế thành phố Hà Nội trả lời vướng mắc của Công ty TNHH Sun Asterisk Việt Nam tại Công văn số 57306/CTHN-TTHT ngày 25/11/2022.

Trường hợp Công ty có hoạt động kinh doanh vận chuyển hàng hóa bằng đường biển theo chặng quốc tế từ Việt Nam ra nước ngoài hoặc từ nước ngoài đến Việt Nam, hoặc cả đi và đến ở nước ngoài, không phân biệt có phương tiện trực tiếp vận tải hay không có phương tiện thì hoạt động kinh doanh này được áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 0% nếu đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm c khoản 2 Điều 9 của Thông tư 219/2013/TT-BTC.

Cục Thuế thành phố Hà Nội trả lời vướng mắc của Công ty cổ phần thương mại và vận tải biển New Sun tại Công văn số 55346/CTHN-TTHT ngày 15/11/2022.

4. **Thuế suất thuế giá trị gia tăng đối với dịch vụ cung cấp cho doanh nghiệp chế xuất**

Trường hợp Công ty ký hợp đồng với doanh nghiệp chế xuất để cung cấp dịch vụ kiểm tra, phân loại linh kiện điện tử thuộc đối tượng quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 9 của Thông tư 219/2013/TT-BTC thì dịch vụ kiểm tra, phân loại linh kiện điện tử mà Công ty cung cấp là dịch vụ xuất khẩu, được áp dụng thuế suất thuế giá trị gia tăng 0% nếu đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 9 của Thông tư 219/2013/TT-BTC và không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 1 của Thông tư 130/2016/TT-BTC.

Cục Thuế thành phố Hà Nội trả lời vướng mắc của Công ty TNHH JungJin - Nextech Vina tại Công văn số 55897/CTHN-TTHT ngày 17/11/2022.

1. Thành phố Hồ Chí Minh đề xuất thí điểm thu thuế bất động sản thứ 2

Tại Tờ trình gửi Chính phủ về việc xây dựng Nghị quyết về cơ chế, chính sách thí điểm tạo động lực phát triển TP. Hồ Chí Minh, UBND TP. Hồ Chí Minh đã đề xuất thực hiện quyết định chính sách thuế thu bổ sung đối với quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản trên đất của bất động sản thứ hai trở lên của người dân (trừ bất động sản duy nhất).



Mục đích của quy định này là thí điểm chính sách về thuế bất động sản làm cơ sở thực tiễn để xây dựng chính sách chung về sau. Đồng thời tăng nguồn thu ổn định, bền vững cho ngân sách địa phương, hạn chế tình trạng đầu cơ bỏ hoang nhà ở, đất ở trong các dự án bất động sản hiện nay gây lãng phí nguồn lực.

Theo các chuyên gia về bất động sản, việc TP. Hồ Chí Minh đề xuất thí điểm thu thuế bất động sản thứ 2 trở lên là đi đúng với dự định đánh thuế tài sản của Bộ Tài chính đã nêu ra suốt thời gian qua, đồng thời có tác động tích cực là hạn chế nguy cơ đầu cơ trên thị trường bất động sản, ngăn chặn nhà đầu tư thứ cấp, giá bất động sản sẽ không bị đẩy lên cao, giúp thị trường ngày càng minh bạch.

Tuy nhiên, việc thí điểm thu thuế bất động sản thứ 2 trở lên ở TP. Hồ Chí Minh cần được ưu tiên thực hiện ở quận nội thành như Quận 1, Quận 3. "Đây là vấn đề thí điểm, nếu ngay lập tức áp dụng trên diện rộng sẽ ảnh hưởng tới Chiến lược nhà ở quốc gia, Nhà ở vừa túi tiền".

Theo cafef.vn

2. Lịch nghỉ Tết Nguyên đán 2023 của công chức và doanh nghiệp

Theo Thông báo 5034/TB-LĐTĐ của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, thời gian nghỉ tết Âm lịch và nghỉ lễ Quốc khánh năm 2023 đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động được quy định như sau:

- Đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của các cơ quan hành chính, sự nghiệp, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội:

- Tết Âm lịch: Nghỉ từ thứ Sáu ngày 20/01/2023 (tức 29 tháng Chạp năm Nhâm Dần) đến hết thứ Năm ngày 26/01/2023 (tức mùng 05 tháng Giêng năm Quý Mão). Đợt nghỉ này gồm 05 ngày nghỉ tết Âm lịch và 02 ngày nghỉ bù cho ngày nghỉ hàng tuần theo quy định.
- Lễ Quốc khánh: Nghỉ từ thứ Sáu ngày 01/9/2023 đến hết thứ Hai ngày 04/9/2023 Dương lịch. Đợt nghỉ này gồm 02 ngày nghỉ lễ

Quốc khánh, 01 ngày nghỉ hằng tuần và 01 ngày nghỉ bù ngày nghỉ hằng tuần theo quy định.

- Đối với doanh nghiệp và những người sử dụng lao động khác:

- Tết Âm lịch: Lựa chọn phương án nghỉ 01 ngày cuối năm và 04 ngày đầu năm hoặc 02 ngày cuối năm và 03 ngày đầu năm hoặc 03 ngày cuối năm và 02 ngày đầu năm.
- Lễ Quốc khánh: Nghỉ thứ Bảy ngày 02/9/2023 và lựa chọn 01 trong 02 ngày thứ Sáu (01/9/2023) hoặc Chủ nhật (03/9/2023).

| THÁNG 1 NĂM 2023 | | | | | | |
|------------------|----------|----------|----------|----------|----------|------------|
| THỨ HAI | THỨ BA | THỨ TƯ | THỨ NĂM | THỨ SÁU | THỨ BẢY | CHỦ NHẬT |
| | | | | | | 1 10/12 |
| 2 11 | 3 12 | 4 13 | 5 14 | 6 15 | 7 16 | 8 17 |
| 9 18 | 10 19 | 11 20 | 12 21 | 13 22 | 14 23 | 15 24 |
| 16 25 | 17 26 | 18 27 | 19 28 | 20 29 | 21 30 | 22 1/1 |
| 23 2 | 24 3 | 25 4 | 26 5 | 27 6 | 28 7 | 29 8 |
| 30 9 | 31 10 | | | | | |

Lịch nghỉ Tết Nguyên Đán 2023 là 7 ngày (Ảnh minh họa)

- Doanh nghiệp thông báo phương án nghỉ cho người lao động trước ít nhất 30 ngày; Nếu ngày nghỉ hằng tuần trùng với ngày nghỉ lễ, Tết thì được nghỉ bù ngày nghỉ hằng tuần vào ngày làm việc kế tiếp.

Theo luatvietnam.vn



GLOBAL VIETNAM
LAWYERS

DANH MỤC VĂN BẢN PHÁP LUẬT MỚI

| STT | Tên văn bản | Ngày ban hành | Ngày có hiệu lực |
|------------------------------------|--|---------------|------------------|
| QUỐC HỘI | | | |
| 1 | Luật Phòng, chống rửa tiền số 14/2022/QH15. | 15/11/2022 | 01/03/2023 |
| 2 | Luật Thanh tra số 11/2022/QH15. | 14/11/2022 | 01/07/2023 |
| CHÍNH PHỦ | | | |
| 1 | Nghị định 99/2022/NĐ-CP về đăng ký biện pháp bảo đảm. | 30/11/2022 | 15/01/2023 |
| 2 | Nghị định 97/2022/NĐ-CP về việc quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi chuyển đổi sở hữu, sắp xếp lại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ. | 29/11/2022 | 15/01/2023 |
| BỘ TÀI CHÍNH | | | |
| 1 | Thông tư 70/2022/TT-BTC quy định về quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ và kiểm toán nội bộ của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài, chi nhánh doanh nghiệp tái bảo hiểm nước ngoài. | 16/11/2022 | 01/01/2023 |
| 2 | Thông tư 69/2022/TT-BTC quy định chi tiết về chứng chỉ bảo hiểm, chứng chỉ đại lý bảo hiểm, chứng chỉ môi giới bảo hiểm, chứng chỉ về phụ trợ bảo hiểm. | 16/11/2022 | 01/01/2023 |
| 3 | Thông tư 65/2022/TT-BTC về việc quy định chi tiết khoản 2, Điều 91 Nghị định 98/2020/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. | 02/11/2022 | 01/01/2023 |
| NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM | | | |
| 1 | Thông tư 16/2022/TT-NHNN quy định về việc lưu ký và sử dụng giấy tờ có giá tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. | 30/11/2022 | 17/01/2023 |
| 2 | Thông tư 15/2022/TT-NHNN quy định về tái cấp vốn trên cơ sở trái phiếu đặc biệt của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam. | 30/11/2022 | 17/01/2023 |



**GLOBAL VIETNAM
LAWYERS**

LIÊN HỆ VỚI CHÚNG TÔI

info@gvlawyers.com.vn

Trụ sở chính – TP. HCM

Tầng 8, Tòa nhà Centec
72-74 Nguyễn Thị Minh Khai
Phường Võ Thị Sáu, Quận 3
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel: +84 (28) 3622 3555

Chi nhánh Hà Nội

Tầng 10A, Tòa nhà CDC
25 Lê Đại Hành
Quận Hai Bà Trưng
Hà Nội, Việt Nam
Tel: +84 (24) 3208 3555

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 3, Tòa nhà Indochina
Riverside, 74 Bạch Đằng
Quận Hải Châu
Đà Nẵng, Việt Nam
Tel: +84 (28) 3622 3555

Nội dung của Bản tin này không phải là tư vấn pháp lý và cũng không thể hiện ý kiến của chúng tôi hoặc của bất cứ luật sư hay chuyên gia tư vấn nào của chúng tôi. Bản tin này cung cấp các thông tin chung và những thông tin này có thể chưa đầy đủ hoặc chưa được cập nhật kịp thời tại thời điểm được đọc. Nội dung này cũng không nhằm sử dụng như phần hỗ trợ thêm cho các ý kiến tư vấn và quan điểm pháp lý của chúng tôi. Vui lòng tìm kiếm các ý kiến tư vấn pháp lý hoặc tư vấn chuyên nghiệp khác phù hợp với những vấn đề mà bạn gặp phải. Chúng tôi, GV Lawyers, tuyên bố rõ ràng là sẽ không chịu trách nhiệm về những hành động hoặc không hành động dựa trên bất kỳ hoặc toàn bộ nội dung của Bản tin này.

www.gvlawyers.com.vn

